TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 09 - 7 - 2025.
V/v ly hôn giữa chị Tuyến và anh Phán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Đức Chạc.
2. Bà Dương Thị Vui.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025, quyết định hoãn phiên toà số 26/2025/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1990;

Địa chỉ hiện nay: Khu phố T xã Y, tỉnh Phú Thọ.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định. (Nay là xã Đ tỉnh Ninh Bình

Tại phiên tòa vắng mặt chị T, anh P3

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên toà nguyên đơn chị Bùi Thị T vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng trong đơn khởi kiện lập ngày 17/01/2025 cũng như lời khai của chị Bùi Thị T tại các buổi làm việc tại Toà án thể hiện: Chị và anh Nguyễn Văn P1 hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 19/5/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, tỉnh Hòa BìnhTừ năm 2013 đến năm 2020, vợ chồng chung sống tại huyện Y, tỉnh Hòa

BìnhQuá trình chung sống ở Hoà Bình, vợ chồng cũng có mâu thuẫn, nhưng là những mâu thuẫn nhỏ. Nhưng từ năm 2022, khi chị T1 về huyện N, làm việc thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P2 nhầm các mối quan hệ của vợ. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay chị T2 chuyển công tác về quê Hoà Bình sinh sống, vợ chồng đang sống ly thân. Chị T xác định tình cảm giữa chị và anh P không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn P3

Về con chung: Chị Bùi Thị T xác định giữa chị và anh P có hai con chung là cháu Nguyễn Thiện N sinh ngày 29/5/2017 và cháu Nguyễn Thùy U N1sinh ngày 14/8/2021. Sau khi ly hôn, chị T3 được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh P4 góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T4 yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí chị Bùi Thị Tđề N1 giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà bị đơn anh Nguyễn Văn P5 mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Ptrình B: Anh đồng ý với ý kiến của chị T5 quá trình kết hôn, chung sống. Về mâu thuẫn gia đình, anh P6 nhất trí với ý kiến của chị T6 rằng anh hiểu nhầm các mối quan hệ của vợ. Anh P7 rằng quá trình chung sống, vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng là những mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức ly hôn. Nay chị T3 ly hôn, anh thấy các con còn nhỏ nên anh không nhất trí ly hôn với chị T

Về cong chung, anh Nguyễn Văn P8 thống nhất anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Thiện N sinh ngày 29/5/2017 và cháu Nguyễn Thùy U N1sinh ngày 14/8/2021, hiện cả hai cháu đang ở với chị T7 Sau khi ly hôn, anh P9 ý kiến chị T8 nuôi cả hai cháu Thiện Nvà U1 N1anh Pkhông phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị T9 anh Nguyễn Văn P; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiện N sinh ngày 29/5/2017 và Nguyễn Thùy U N1sinh ngày 14/8/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. anh P không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T; Về án phí dân sự sơ thẩm: chị T phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Bùi Thị T10 mặt nhưng chị T11 đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn P vắng mặt không có lý do nhưng anh P10 được Tòa án triệu tập hợp lệ và vắng mặt là lần thứ hai. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T9 anh P11 phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị T9 anh Nguyễn Văn P1 hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 19/5/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, tỉnh Hòa Bình là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T, anh P chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P2 nhầm các mối quan hệ của vợ dẫn đến vợ chồng thường xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Hiện chị T12 P sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vợ chồng được ly hôn. Phía anh P không nhất trí ly hôn. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm xử ly hôn giữa chị T9 anh P3

Hội đồng xét xử thấy: Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T9 anh P đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay chị T xin ly hôn anh P nên chấp nhận là phù hợp. Phía anh P không nhất trí ly hôn nhưng anh P cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tạo điều kiện cho hai bên nhưng chị T9 anh P vẫn sống ly thân không quan tâm đến nhau, thấy khả năng đoàn tụ là không còn nên quan điểm của anh P không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị T9 anh Nguyễn Văn P đều thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thiện N sinh ngày 29/5/2017 và cháu Nguyễn Thùy U N1sinh ngày 14/8/2021, (Hiện cả hai cháu đang ở với chị T). Ly hôn chị T12 P đều có quan điểm giao hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh P không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T7

Hội đồng xét xử thấy: Quan điểm về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của chị T9 anh P đều là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T9 anh Nguyễn Văn P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Bùi Thị T13 nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

1 - Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị T9 anh Nguyễn Văn P3

2 - Về con chung: Xử giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Thiện N sinh ngày 29/5/2017 và cháu Nguyễn Thùy U N1sinh ngày 14/8/2021 cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn P không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T7 Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm chị Bùi Thị T13 nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0001586 ngày 17/01/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND khu vực 11;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Đồng Thịnh;
- UBND xã Yên Thuỷ tỉnh Phú Thọ;
- Lưu văn phòng; HSVA.

Phạm Hùng Phương